

## BẢN TÍNH CỦA CON NGƯỜI VÀ VĂN HÓA ĐẠO ĐỨC XÃ HỘI

**HÀ THỨC MINH<sup>(\*)</sup>**

**C**hẳng biết từ bao giờ mà người dân Việt Nam thường bảo nhau: “Cha mẹ sinh con Trời sinh tính”. “Trời sinh tính” có nghĩa “tính” là do “Trời phú”, sinh ra đã có, cho nên gọi nó là “tiên thiên” (apriorie) cũng chẳng sai. Tuy nhiên cái “tiên thiên” mà chẳng ai biết rõ “cha căn, chú kết” của nó ra sao nhưng lại chi phối rất lớn đến con người và mọi lĩnh vực của đời sống con người. Sách *Trung dung*, ngay từ chương mở đầu đã xác định tầm quan trọng bậc nhất của cái gọi là “tính” như sau:

“Cái mà Trời phú cho gọi là tính. Tuân theo với tính gọi là Đạo. Tu dưỡng, học tập theo với Đạo gọi là giáo dục” (Thiên mệnh chi vị tính, suất tính chi vị đạo, tu đạo chi vị giáo)<sup>(1)</sup>.

“Thiên” hay “Trời” không phải lúc nào cũng chỉ về ông Trời hay đấng siêu nhiên nào đó<sup>(2)</sup>, “Thiên” hay “Trời” còn có nghĩa là “tự nhiên”, chẳng hạn như “thiên nhiên”, “thiên không”, “thiên thời”... Con người là tự nhiên, “tính” của con người cũng là tự nhiên. James Legge dịch “tính” là “Nature” rất xác đáng, bởi vì “Nature” cũng có nghĩa là tự nhiên. Nghĩa là cái gì đó “vốn có” (bản tính), tự nhiên, tồn tại trong mỗi

con người tự nhiên. Nhưng vấn đề là tồn tại từ lúc nào? Thời điểm tồn tại liên quan đến tính chất, giá trị của nó.

Với thuyết “tứ đoan”, có lẽ Mạnh Tử là một trong những nhà tư tưởng sớm nhất của nhân loại cho rằng bản tính của con người là “thiện”. “Thiện” bao gồm bốn đức tính cơ bản, đó là “Nhân”, “Nghĩa”, “Lễ”, “Trí”. Những đức tính này đã hiện diện đầy đủ khi con người mới sinh ra. Mạnh Tử gọi đó là “đoan” (Xem Mạnh Tử *Cáo Tử thượng, Ly lâu thượng, Tận tâm thượng, Công Tôn Sửu thượng*). Những bản dịch tiếng Việt thường dịch là “giềng mối”, xem ra cũng chẳng rõ nghĩa được bao nhiêu. James Legge dịch là “The four principles” e rằng không chính xác. Có lẽ dịch là “The Four Beginings” (hay the Four Sprouts) như từ điển Wikipedia là dễ chấp nhận hơn cả. “Beginnings” là cái “bắt đầu”, bắt đầu của đạo đức con người, đạo đức xã hội. Không có cái “bắt đầu” này thì không thể có đạo đức của con người. Nhưng “bắt đầu” ở đây là lúc nào? Cũng có nhiều học giả cho rằng có lẽ Mạnh Tử đã “bắt đầu” từ bình diện tâm lý - xã hội thời kỳ sơ khai của con người. Tính thiện hay “tứ đoan” là một bước tiến của xã hội con người. Con người “tách” khỏi động vật bằng tính thiện xã hội - tự nhiên. Con người là tự nhiên, tính người cũng là cái tự nhiên được cài đặt bởi cái tự nhiên. Tính người hay, “lương tri”, “lương năng”... là cái sẵn có ở mỗi con người không liên quan gì đến học tập hay giáo dục. Phải chăng

<sup>(\*)</sup> PGS., Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Phân viện Thành phố Hồ Chí Minh.

<sup>(1)</sup> Tham khảo bản dịch Anh ngữ của James Legge: “What Heaven has conferred is called THE NATURE accordance with the nature is called THE PATH of duty; the regulation of this path is called INSTRUCTION”.

Mạnh Tử đã thấy được tác động hai chiều của xã hội, cho nên “tính thiện”, “lương tri” là cái bắt đầu của con người, của xã hội con người, nhưng cái xã hội lại sẵn sàng đánh mất tính thiện hay lương tri đó. Mạnh Tử giải thích “tính ác” của con người không phải ai khác mà chính là do xã hội, do cái bên ngoài tạo ra. Ví dụ như con suối ở đầu nguồn nước trong, càng chảy về xuôi càng xa bao nhiêu càng đục bấy nhiêu. Như vậy “thiện” là bản tính tự nhiên của con người, không do con người tạo ra còn “ác” có thể xem là bản tính xã hội. “Ác” hay “thiện” đều được Mạnh Tử xem là “bản tính” của con người.

Không giống như Mạnh Tử, Tuân Tử cho rằng bản tính con người là “ác” chứ không phải “thiện”. Tại sao lại có hai cách nhìn về bản tính con người khác nhau như vậy? Cũng có lý khi ai đó lý giải rằng Mạnh Tử đặt “tính” người trên bình diện tâm lý - xã hội còn Tuân Tử lại đặt nó trên bình diện sinh lý - xã hội. “Sinh lý” gắn với bản năng động vật hơn tâm lý, cho nên tính người thì ít nhưng tính động vật thì nhiều. Nói cách khác là Tuân Tử đã đẩy “tính” hay cái bắt đầu (Beginnings) lùi về quá khứ xa hơn Mạnh Tử: Tuân Tử cho rằng bản tính con người là ác, còn cái gọi là thiện, sở dĩ có được là do kết quả giáo dục của xã hội (Nhân chi tính ác, kỳ thiện giả ngụy dã, Tuân Tử, *Tinh ác luận*).

Như vậy là Mạnh Tử tôn trọng cái tự nhiên, cái bên trong bao nhiêu thì Tuân Tử lại đề cao cái xã hội, cái bên ngoài bấy nhiêu! Tuy nhiên, Tuân Tử chỉ thừa nhận “ác” mới là bản tính của con người, bởi vì tự nhiên mà có mới gọi là “bản tính”. Cho nên Tuân Tử không xem “thiện” là “tính” mà chỉ gọi đó là “ngụy”.

Lão Tử không những không kỳ vọng vào tính năng động chủ quan của con người mà còn kịch liệt lên án cái gọi là văn minh, tiến bộ của xã hội. Theo ông thì những thành tựu khoa học, kỹ thuật với mục đích giải phóng con người, “tách” xã hội con người càng văn minh, tiến hóa bao nhiêu càng đánh mất bản tính tự nhiên của con người bấy nhiêu. Quả thực, chẳng mấy ai có tầm nhìn xa trông rộng như Lão Tử. Lo lắng của

Lão Tử cách đây những hơn hai nghìn năm trăm năm chẳng phải đã trở thành hiện thực của nhiều nước văn minh trên thế giới đó sao? Con người đã tự biến mình thành những cái Rô-bốt đang cao ngạo nào là “chinh phục” nào là “thống trị” tự nhiên, đã và đang tàn phá môi trường một cách vô tội vạ, hủy hoại cái nôi mà từ đó con người sinh ra. Quan hệ giữa con người và tự nhiên quy định quan hệ giữa con người với con người. Sự tranh đoạt tài nguyên thiên nhiên dẫn con người đến hiểm họa chiến tranh một mất một còn.

Lão Tử không ưa gì cái gọi là “phát triển xã hội”. Nếu có cái gọi là “phát triển” đi nữa thì đó không phải là xu hướng càng ngày càng tiến về phía trước, càng ngày càng tách khỏi tự nhiên mà chính là càng ngày càng phải quay trở về với chính mình:

“Quay trở về là xu hướng vận động của Đạo, mềm là biểu hiện của Đạo” (Phản giả đạo chi động, nhược giả đạo chi dụng, *Lão Tử Đạo đức kinh*, chương thứ 40)<sup>(3)</sup>

Từ đâu ra thì trở về nơi đó (Xuất vu ky nhập vu ky, Trang Tử), trở về với bản tính của con người. Vậy theo Lão Tử bản tính của con người là gì? Đáp án của Lão Tử không phải là tính “thiện” như Mạnh Tử mà cũng không phải tính “ác” như Tuân Tử. “Thiện” và “ác” thuộc phạm trù đạo đức, đạo đức lại là sản phẩm chủ quan của xã hội con người. Không thể đem cái chủ quan, thiển kiến của xã hội con người gán cho

<sup>(2)</sup> Trong Phạm ngữ “deva” nghĩa là “thần” cũng được dịch ra Hán ngữ là “thiên”

<sup>(3)</sup> Tham khảo bản dịch Anh ngữ của A.S Kline:

“Returning is the how the Way progresses,  
Weakness is how it performs its function”

Bản dịch của James Legge:

“The movement of the Tao  
By contraries proceeds  
And Weakness marks the course  
Of Tao's mighty deeds”

Cũng có nhà nghiên cứu cắt nghĩa “phản” là đối lập, cho nên dịch “đối lập là động lực của Đạo”

<sup>(4)</sup> “Đạo phỏng theo Tự nhiên” (The Way of Dao follows the law of Nature). Cũng có người dịch là “Đạo phỏng theo bản thân mình” bởi vì Đạo cũng là Tự nhiên.

tự nhiên được. Tự nhiên vốn chẳng có “thiện”, “ác” nào cả. Hơn nữa “thiện”, “ác” chỉ có thể tồn tại trong quan hệ đối lập thống nhất, không có cái này thì cũng sẽ không có cái kia. Bản tính con người không gì khác hơn là *tự nhiên*:

“Con người phỏng theo Đất, Đất phỏng theo Trời, Trời phỏng theo Đạo, Đạo phỏng theo Tự nhiên” (Nhân pháp địa, địa pháp thiên, thiên pháp đạo, đạo pháp tự nhiên, *Đạo đức kinh*, Chương 25)<sup>(4)</sup>.

“Tự nhiên” có nghĩa là đương nhiên, là tất nhiên, tự nó là như vậy không ai có thể can thiệp. “Tự nhiên” và “tự do” là hai từ đồng đẳng. Bản tính con người là tự nhiên cũng có nghĩa bản tính của con người là tự do. Cho nên cũng có ý kiến cho rằng Trang Tử của Đạo gia là người đầu tiên trên thế giới đề cập đến phạm trù tất yếu và tự do.

Nhưng dấu sao xu hướng của Đạo gia vẫn là xu hướng xuất thế, tự do tự tại không thích hợp đối với xã hội - chính trị nhập thế. Cho nên Đạo gia thường không thể đồng hành với chế độ tập quyền, đẳng cấp của giai cấp thống trị phong kiến vốn thường hay dị ứng với cái gọi là “công bằng” và “tự do”. Nhưng cái “tự nhiên” lúc nào cũng luôn xoa dịu và sẵn sàng đem lại những gì mà sĩ phu thất thế trên con đường hoạn lộ quay về tìm lại bản tính của chính mình. Nguyễn Trãi chẳng phải là trường hợp điển hình trong lịch sử Việt Nam đó sao:

*Người sao còn chưa về đi!  
Nửa đời bụi bặm hoài lẫn lóc,  
Muôn chung chín đỉnh có làm gì,  
Nước lã cơm dưa miễn tri túc,*

... ..

*Người đời trong trăm năm,  
Rối cuộc như thảo mộc,  
Vui buồn lo sướng đổi thay nhau,  
Một tươi một héo vẫn tương tục,  
Cồn hoang lâu đẹp cũng ngẫu nhiên,  
Chết rồi ai vinh với ai nhục?*

**(Bài ca Côn sơn)**

Với *Bài ca Côn sơn* không ai còn có thể phân biệt đâu là Lão Trang đâu là Nguyễn Trãi. Làm

sao có thể giải thích một người luôn đặt đạo “cương thường” trên cả mạng sống:

*“Bui chỉ có một niềm trung với hiếu,  
Mài chẳng khuyết nhuộm chẳng đen”  
(Nguyễn Trãi, Quốc âm thi tập)*

Nhưng rồi Côn Sơn có rêu xanh, có suối chảy róc rách, có cả tự nhiên đất trời bao la, thoát vòng tục lụy, lẽ nào lại còn vướn vẩn với “vinh, nhục” ở đời:

*“Chết rồi ai vinh với ai nhục?”*

Thế mới biết cái tự nhiên bên ngoài luôn là điểm xuất phát cũng như là điểm đến của toàn bộ sự sống. Tuy nhiên, chế độ phong kiến càng tập trung, càng củng cố bao nhiêu thì cái mà nó hướng tới không phải là tự nhiên bên ngoài mà lại là đạo lý siêu nhiên, Tống Nho<sup>(5)</sup> gọi đó là “thiên lý”. Nghĩa là đạo lý vĩnh hằng siêu không gian, siêu thời gian nhằm chứng minh cho sự tồn tại thiên trường địa cửu của xã hội phong kiến. Sự tồn tại của mỗi cá nhân, mỗi con người liên quan đến việc họ tu dưỡng theo đạo lý đó như thế nào. Tống Nho cho rằng con người có hai phần, thể xác và tinh thần. Mọi biểu hiện của tinh thần gọi là “tâm”. “Tâm” cũng chia làm hai phần, “đạo tâm” luôn hướng về cái “thiện” và “nhân tâm”, biểu hiện dục vọng bản năng của con người, thường là “ác”. Như vậy, “đạo tâm” chỉ có *khả năng* hướng thiện” chứ bản thân nó không phải là “thiện”. Tự nó không phải là “lương tri” hay “lương năng” như quan niệm của Mạnh Tử. Cái “Lý” (đạo lý) bên ngoài hoàn toàn có thể thay thế nó một cách không thương tiếc chứ không phải làm cho “Nó” trở thành “Nó”. Tống Nho có hai ngọn cỏ độc mà hàng trăm năm nay người ta thường hay lên án, chỉ trích. Thứ nhất, đó là quan niệm “diệt dục” của Chu Hy: “Cho dầu thánh nhân có nói đến nghìn lần vạn lần đi nữa, chẳng qua cũng chỉ là để dạy dân phải biết giữ gìn “thiên lý” loại trừ dục vọng của con người” (Thánh nhân thiên ngôn vạn ngữ

<sup>(5)</sup> Tống Nho có 4 trường phái chủ yếu là Liêm, Lạc, Quan, Mân. Ở đây chỉ trường phái Lạc và Mân (Nhị Trình và Chu Hy)

chỉ thị giáo dân tôn thiên lý diệt nhân dục, *Chu Tử ngữ loại*, q.4). Chu Hy thanh minh rằng ông không bao giờ kêu gọi cần phải diệt mọi nhu cầu dục vọng chính đáng của con người, theo ông: "Ăn uống là thiên lý, nhưng ăn ngon lại là dục vọng của con người" (Ẩm thực giả thiên lý dã, yêu cầu mỹ vị nhân dục dã, *Chu Tử ngữ loại*, q.4). Thực ra ranh giới giữa ăn và ăn ngon không có gì rõ ràng cả, hơn nữa ăn ngon mặc đẹp là xu thế tất yếu của xã hội con người. Điểm hợp lý của Chu Hy có chăng là ở chỗ ông kêu gọi con người không nên quá ư chạy theo thỏa mãn nhu cầu vật chất. *Thứ hai*, quan niệm của Trình Di đặt giá trị của Lễ giáo lên trên mạng sống của con người: "Chết đói là việc nhỏ, thất tiết mới là chuyện cực kỳ lớn" (Nga tử sự tiểu, thất tiết sự cực đại, *Hà Nam Trình thị di thư*).

Tại sao thất tiết lại là việc lớn? Thất tiết là vi phạm lễ giáo phong kiến. Vi phạm lễ giáo và chống đối sự tồn tại của chính quyền phong kiến là hành động không xa nhau mấy. Cho nên giữa sự sống tự nhiên và chính quyền phong kiến nếu cần hy sinh thì đương nhiên hy sinh cái trước, mặc dù Kinh Dịch nhắc đi nhắc lại nhiều lần rằng "Đức lớn nhất trên đời là sự sống" (Đại đức viết sinh).

Xu hướng tất yếu của Tống Nho là tách con người xã hội khỏi con người tự nhiên, rút gọn con người xã hội thành con người đạo đức - chính trị, hay nói gọn hơn là *con người chính trị*. "Con người chính trị" sống trong lòng văn hóa chính trị, là loại hình văn hóa mà có thể hòa tan mọi thứ trên đời vào nó, kể cả tự nhiên. Mùa Xuân là của Đất Trời, Chính trị là của con người, con người là một phần của Đất Trời chứ không phải Đất Trời là một phần của con người. Lễ hội biểu hiện sự gắn bó giữa con người và tự nhiên cũng như giữa con người và con người. Không có văn hóa nghệ thuật nào có thể phát triển nếu đánh mất bản chất tự nhiên của con người. Càng ngày những lời ca tiếng hát rung động lòng người càng khó tìm thấy ở những nơi đô thị chen chúc mà ở đó hầu như không còn thời gian để suy nghĩ gì khác ngoài việc chạy đua với cuộc sống vật chất.

Những điệu múa chân chất giao duyên giữa con người và Đất, Trời, những lời ca tiếng hát vang vọng từ trái tim chỉ có thể tìm thấy ở những nơi cao nguyên như Lang Biang ngút ngàn gió núi, ở thung lũng Ý Lin Hồ quanh năm mây mù bao phủ, ở buôn sóc Bom Bo xa xôi hẻo lánh... đã thể hiện cái *tự nhiên* mà Tạo hóa đã hào phóng ban cho họ.

Tác yêu, tác quái của Tống Nho kéo dài trong lịch sử Trung Quốc không dưới sáu trăm năm. Ảnh hưởng của Tống Nho ở Việt Nam cũng không dưới nửa thiên niên kỷ. Huỳnh Thúc Kháng kịch liệt lên án Tống Nho dù là ở Trung Quốc hay ở Việt Nam: "Khốn nạn thay! Sau đại định rồi, lại đem cái đồ phẩn súc thái bình là thứ học Tống Nho và khoa cử kia mà trưng ra! Đến triều Thiệu Trị, Tự Đức trở đi thì toàn cả sĩ phu đều sa vào trong một cái khuôn sáo ấy... Lối học khoa cử đời Lê đã kém hèn là bao nhiêu mà lối học triều Nguyễn lại kém hèn hơn nữa". "Bỏ cái hủ xưa mà theo con đường mới nào có phải việc không tốt đâu! Ngặt vì cái não Tống Nho và khoa cử di truyền đã lâu không phải mai chiều chùi rửa cho sạch được. Bởi thế cái vỏ bề ngoài tuy đổi khác, mà cái gân óc bề trong vẫn còn nguyên, nên trong khoảng thanh hoàng bất tiếp này, trong học giới ta lại sinh ra lắm trò quái gở" (Huỳnh Thúc Kháng, *Lối học khoa cử và lối học Tống Nho có phải là học đạo Khổng Mạnh không?*). Di căn của Tống Nho chẳng biết bao giờ mới có thể kết thúc. Phải chăng đó cũng là nguyên nhân làm cho người ta có thể dễ dàng để tiếp thu một nửa quan niệm của Mác về bản chất của con người.

Quan niệm cơ bản của Mác về bản chất của con người được trình bày trong *Luận cương về Feuerbach*. Trong tác phẩm mà Ăngghen đánh giá là "mầm mống của những tư tưởng thiên tài" này, Mác đã phê phán thuyết nhân loại học (Anthropology) của Feuerbach như sau: "Feuerbach hòa tan bản chất tôn giáo vào bản chất con người. Nhưng bản chất con người không phải là một cái trừu tượng cố hữu của cá nhân

riêng biệt. Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hòa những quan hệ xã hội<sup>(6)</sup>. Dịch “ensemble” là “tổng hòa” đã định hình quan niệm của Mác trong các sách giáo khoa rằng con người chỉ có bản chất xã hội mà thôi, ngoài bản chất xã hội ra không còn có bản chất tự nhiên nào cả. Quan niệm sai lầm này đương nhiên trước hết là dịch thuật, nhưng nguyên nhân sâu xa hơn là cả quan niệm sáo mòn của truyền thống phương Đông có gốc rễ từ Tống Nho. Không dừng lại ở chỗ cho rằng bản chất con người “chỉ là tổng hòa” các quan hệ xã hội” mà còn “rút gọn” các quan hệ xã hội thành “quan hệ sản xuất” và cũng đồng thời “rút gọn” CON NGƯỜI thành con người giai cấp; không thừa nhận “con người” chung chung. Người ta gọi học thuyết đó là học thuyết “con người không có con người”. Từ sai lầm này đến sai lầm kia âu cũng là bình thường trong quá trình nhận thức. Nhưng quả là tai hại khi nhận thức sai quan niệm cực kỳ quan trọng của Mác về bản chất của con người.

Tiền đề hay xuất phát điểm của chủ nghĩa Mác không gì khác hơn là “những con người” và “không một phút nào xa rời những tiền đề ấy”. Đương nhiên đó không phải là những con người trừu tượng mà là những con người hiện thực trong xã hội hiện thực. Nói cách khác, điều mà Mác quan tâm nhất cũng chính là bản chất xã hội của con người và đó cũng chính là thiếu sót của

(6) Bản dịch Việt ngữ của NXB Sự thật năm 1980, t. 1, tr.157. Xin tham khảo nguyên văn bản tiếng Đức: “Feuerbach lost das religiose Wesen in das menschliche Wesen auf. Alber das ,menschliche Wesen ist kein dem einzelnen idividuum inwonehndes Abstraktum. In seiner Wirklichkeit is est das ensemble der gesellschaftlichen Verhulniss” (Thesen uber Feuerbach, 6)

Trong Pháp ngữ và Anh ngữ cũng có từ “ensemble” nghĩa gần giống với Đức ngữ, cho nên bản dịch Pháp ngữ và Anh ngữ đều giữ nguyên từ “ensemble”, bản dịch Hán ngữ dịch “ensemble” là “tổng hòa”. Có lẽ bản dịch Việt Ngữ tham khảo bản dịch Hán ngữ. Dịch “ensemble” là “tổng hòa” có lẽ không chính xác và mọi hiểu nhầm cũng bắt đầu từ đây.

Feuerbach mà Mác đã phê phán. Tuy nhiên, Mác cũng không bao giờ “quên” quan hệ gắn bó giữa con người và tự nhiên, không bao giờ “quên” bản chất tự nhiên của con người. Xin phép được trích một đoạn hơi dài sau đây trong *Bản thảo chính trị - kinh tế học 1844* để chứng minh cho điều đó:

“Về mặt thể xác thì ở con người cũng như ở con vật, đời sống có tính loài là ở chỗ con người (cũng như con vật) sống bằng giới tự nhiên vô cơ, và con người càng có tính phổ biến so với con vật thì phạm vi của giới tự nhiên vô cơ mà nó dựa vào để sống, càng có tính phổ biến. Về mặt lý luận, thực vật, động vật, khoáng vật, không khí, ánh sáng, v.v..., là một bộ phận ý thức của con người, hoặc với tính cách là đối tượng của khoa học tự nhiên, hoặc với tính cách là đối tượng của nghệ thuật, là giới tự nhiên tinh thần vô cơ của con người, là những phương tiện của đời sống tinh thần mà con người phải chuẩn bị trước rồi mới có thể thưởng thức và tiêu hóa được - thì về mặt thực tiễn, những cái đó cũng là một bộ phận của đời sống con người và của hoạt động con người. Về mặt thể xác, con người chỉ sống bằng những sản phẩm tự nhiên ấy, dù là dưới hình thức thực phẩm nhiên liệu, áo quần, nhà ở v.v.. Về mặt thực tiễn tính phổ biến của con người biểu hiện ra chính ở cái tính phổ biến của nó biến toàn bộ giới tự nhiên thành thân thể vô cơ của con người, cả trong chừng mực mà giới tự nhiên là tư liệu sinh sống trực tiếp cũng như trong chừng mực mà giới tự nhiên là vật liệu, đối tượng và công cụ của hoạt động sinh sống của con người. Giới tự nhiên - nghĩa là cái giới tự nhiên trong chừng mực bản thân nó không phải là thân thể của con người - là thân thể vô cơ của con người. Con người sống bằng giới tự nhiên. Như thế nghĩa là giới tự nhiên là thân thể của con người, thân thể mà với nó con người phải duy trì một quá trình thường xuyên để tồn tại. Nói rằng đời sống thể xác và tinh thần của con người là gắn liền khăng khít với giới tự nhiên, nói như thế chẳng qua chỉ có nghĩa là giới tự nhiên gắn liền khăng khít với bản thân giới tự

nhiên, vì con người là một bộ phận của giới tự nhiên”<sup>(7)</sup>.

Theo Ăngghen, khi mà khoa học tự nhiên phát triển, con người càng ngày càng hiểu biết về quy luật tự nhiên và đã bắt nó phục vụ lợi ích của con người. Có người dần dần ảo tưởng rằng mình có thể “thống trị” tự nhiên và có thể cải tạo nó tùy theo ý muốn chủ quan. Nhưng thực tế càng hiểu biết, con người càng nhận ra rằng chính sự thành công ban đầu đó “nhắc nhở chúng ta từng giờ từng phút rằng chúng ta hoàn toàn không thống trị được giới tự nhiên”, rằng “mình với giới tự nhiên chỉ là một”. Nhưng may thay, con người cũng dần dần thấy trước được những hậu quả tự nhiên” và có lẽ phải vất vả lắm mới nhận ra những “hậu quả xã hội”: “Nhưng nếu chúng ta đã phải trải qua hàng nghìn năm lao động mới có thể trong một chừng mực nào đó đánh giá trước được những hậu quả tự nhiên xa xôi của những hành động sản xuất của chúng ta, thì chúng ta lại càng phải trải qua nhiều khó khăn hơn nữa, mới có thể hiểu biết được những hậu quả xã hội xa xôi của những hành động đó”<sup>(8)</sup>. Hậu quả xã hội khôn lường e rằng cũng chẳng còn xa xôi gì lắm đâu! Xem ra Mác không thể đứng ngoài truyền thống văn hóa “tự nhiên” của phương Tây. “Tự nhiên” là một phần quan trọng của truyền thống văn hóa phương Tây. “Tự nhiên” hay “chủ nghĩa tự nhiên”(Naturalism) xuất hiện sớm nhất bắt đầu từ Socrate thời cổ đại Hy Lạp, kế tục là những nhà triết học tự nhiên thời kỳ ánh sáng như Francis Bacon, Voltaire, Rousseau... Ảnh hưởng của “chủ nghĩa tự nhiên” không phải chỉ ở lĩnh vực triết học mà còn ở nhiều lĩnh vực khác như chính trị, đạo đức, văn học, nghệ thuật, sinh vật, vật lý... Cho nên nói đến phương Tây mà không nói đến “tự nhiên” hay “chủ nghĩa tự nhiên” thì coi như chưa nói gì về văn hóa phương Tây. Triết gia La Mã

Sénèque (-6-64), môn đồ trung thành của chủ nghĩa Stoicism, chủ trương khống chế cái bên trong sẽ được tự do bên ngoài. Theo ông, con người không thể định hướng cho mình được, cái “thiện” tốt nhất là “theo với tự nhiên, không cần phải thêm bớt gì cả, thế là được”.

Như vậy, tự nhiên là chuẩn mực, mọi thứ từ xã hội con người đem lại đều trở thành thừa. Sénèque chỉ xem “xã hội” là thừa chứ chưa xem xã hội là hư hỏng là xấu xa là “ác” như Rousseau. Theo Rousseau: “Từ bàn tay của Tạo hóa, tất cả đều là thiện, từ bàn tay của con người tất cả đều trở thành ác” (Tout est bien sortant des main de la Nature, tout degénère dans les mains de l’homme. *Discours sur l’origine de l’inégalité*).

Cũng sùng bái “tự nhiên” như Rousseau nhưng Lão Tử không “thể nghiệm” cái “xấu xa” của xã hội sâu sắc như Rousseau. Kể cũng lạ, một đảng là ở đầu vào của chế độ phong kiến ở phương Đông, một đảng lại ở đầu ra của chế độ phong kiến phương Tây, nhưng hai bên không hện mà lại gặp nhau ở “tự nhiên”. Cái “xấu xa” của xã hội mà Rousseau đã nói thay cho Lão Tử, đó là xã hội đã đánh mất của con người hai thứ quý giá nhất, đó là tự do và công bằng. Theo Rousseau và Lão Tử, “tự nhiên” gần như đồng nghĩa với tự do và công bằng. Con người vốn là tự nhiên cho nên “con người vốn là tự do” (L’homme vraiment est libre, *Emile*). “Hà hữu chi hương” có nghĩa là “tự do” cũng là câu đầu lưỡi của Đạo gia. Còn về công bằng thì không phải nói nhiều, tất cả đều bình đẳng trước cái tất yếu của tự nhiên không ai được ưu tiên hoặc miễn trừ cả. Mất tự do và bất công xã hội là do con người tạo ra nhưng con người lại vô phương khắc phục. Điều đó chỉ có thể hóa giải trong tự nhiên mà thôi.

Thực ra “chạy trốn” vào tự nhiên cũng không phải là cách hóa giải tích cực. Chẳng qua cũng chỉ là thay trạng thái nô lệ xã hội bằng trạng thái nô lệ tự nhiên mà thôi. Nhưng dấu sao nô lệ cho tự nhiên có lẽ còn dễ chịu hơn là nô lệ cho xã hội. Cho nên “kiếp sau xin chớ làm người”, “Làm người” đâu có sướng ích gì, chi bằng hãy “làm

<sup>(7)</sup> C.Mác và Ph.Ăngghen. *Tuyển tập*. t.1, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1980, tr.117.

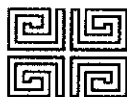
<sup>(8)</sup> Ph.Ăngghen. *Biện chứng của tự nhiên*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1976, tr.271-272.

cây thông đứng giữa trời mà reo”.

Không ai phủ nhận ảnh hưởng sâu sắc của Rousseau đối với Mác. Nhiều công trình nghiên cứu đề cập đến tư tưởng triết học, chính trị, pháp quyền, tư hữu, tha hóa, kế ước xã hội... mà Mác đã phê phán, tiếp thu của Rousseau (From Rousseau to Marx). Nhưng có một điều không nên quên là Mác không bao giờ xem nhẹ quan điểm tự nhiên của Rousseau. Mác đánh giá cao quan điểm “tự nhiên” của các nhà duy vật Pháp, đương nhiên trong đó Rousseau phải được xếp hàng đầu. Điều cơ bản mà Mác không tán thành Rousseau là chủ trương “chạy trốn” vào tự nhiên để giải quyết vấn đề “tự do”, “bình đẳng” của con người. Theo Mác, con người không phải chỉ do tự nhiên tạo ra, con người còn do con người thông qua lao động - xã hội để tạo ra chính mình. Con người thay đổi tự nhiên đến đâu thì tự nhiên cũng thay đổi con người đến đấy. Cho nên không thấy được bản chất xã hội thì không thể phân biệt sự khác biệt cơ bản giữa con người và con vật. Nhưng nếu tuyệt đối hóa “tính xã hội” (tính giai cấp) thì đó lại là quan điểm của học thuyết “con người không có con người”. Nếu “quên” điều đó thì coi như chưa hiểu gì quan niệm về con người của Mác. “Bản chất xã hội của con người” là phát hiện cực kỳ quan trọng của Mác. Con người vừa có thuộc tính tự nhiên vừa có thuộc tính xã hội (Nature versus Nurture). Phương Tây thường quan tâm nhiều về quan hệ giữa con người và tự nhiên,

cho nên vấn đề đặt ra là vấn đề thuộc về bản chất: con người là gì, khác với con vật như thế nào? Phương Đông thường quan tâm nhiều về con người và vì con người, cho nên cần làm rõ “bản tính” (đạo đức - xã hội) “thiện”, “ác” của con người. Thực ra “bản chất” và “bản tính” cũng không phải là hai vấn đề hoàn toàn khác nhau. Cho nên có người định nghĩa “bản tính” là biểu hiện của “bản chất”. Nếu tuyệt đối hóa bản chất xã hội và “quên” mất bản chất tự nhiên của con người, chỉ thừa nhận bản chất xã hội của con người hay nói đúng hơn là chỉ thừa nhận quan hệ sản xuất, quan hệ giai cấp của con người, có nghĩa là chỉ thừa nhận “con người giai cấp” mà thôi. Người ta gọi đó là học thuyết “con người không có con người”. Cái gọi là chủ nghĩa xét lại, chủ nghĩa thành phần cũng từ đây mà ra. Ngay trong *Luận cương về Feuerbach*, điều thứ 10, Mác chỉ ra sự khác biệt giữa chủ nghĩa duy vật cũ và chủ nghĩa duy vật mới cũng chính là ở điểm đó: “Quan điểm của những nhà triết học duy vật cũ là xã hội “công dân”. Quan điểm của những nhà triết học duy vật mới là xã hội *nhân loại* hay *nhân loại xã hội hóa*”<sup>(9)</sup>.

Nên nhớ rằng xuất phát điểm cũng như điểm đến của chủ nghĩa Mác là CON NGƯỜI. Vậy thì “hãy trả những gì của Ceasar về cho Ceasar” (Give back to Ceasar what is Ceasar’s), hãy trả những gì của Mác về cho Mác.



<sup>(9)</sup> Xin tham khảo bản dịch tiếng Pháp: “Le point de vue de l’ancien matérialisme est la société “bourgeoise”. Le point de vue de nouveau matérialism c’est la société humaine ou l’humanité socialisée”